

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Số: NN1N-04/DBQG

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NĂM
KHU VỰC BẮC BỘ, TRUNG BỘ, TÂY NGUYÊN VÀ NAM BỘ
(Từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026)**

1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1700-2900mm, có nơi cao hơn
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: mực nước tại trạm Yên Bái từ tháng 10/2024-3/2025 biến đổi chậm. Từ tháng 4-6/2025 trên sông Thao đã xuất hiện 01 đợt dao động và 06 đợt lũ nhỏ và vừa với đỉnh lũ dưới mức BĐ1, từ tháng 7-9/2025 đã xuất hiện 9 đợt lũ. Trong đó đợt lũ cuối tháng 9 là đặc biệt lớn với đỉnh lũ tại trạm Yên Bái đạt 34,39m (lúc 11h 30/9) trên BĐ3 2,39m, dưới mức lũ lịch sử 1,34m. Trong 1 năm qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái xấp xỉ cao hơn TBNN cùng kỳ 8%. + Trên sông Đà: từ tháng 10/2024-06/2025, dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện Sơn La và ảnh hưởng của mưa trên lưu vực. Từ tháng 07-09/2025, trên sông Đà xuất hiện 5 đợt dao động và 1 đợt lũ, đỉnh lũ đến hồ Hòa Bình đã đạt đỉnh ở mức 11247 m ³ /s (lúc 21h/29/9), dưới BĐ3 753 m ³ /s. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN 12%. + Trên sông Lô: từ tháng 10/2024-03/2025, mực nước tại trạm Tuyên Quang biến đổi chậm và ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên. Từ tháng 4-6/2025, mực nước trên sông Lô đã xuất hiện 01 đợt dao động với đỉnh lũ tại trạm Tuyên Quang đạt 20,34m (lúc 1h/29/6) với biên độ 3,79m. Từ tháng 7-9/2025 là thời kỳ mùa lũ, mực nước tại Tuyên Quang có dao động và xuất hiện 01 đợt lũ với đỉnh lũ là 26,34m (lúc 4h/02/10) trên BĐ3 0,34m, dưới mức lũ lịch sử 5,03m. Tổng lượng dòng chảy sông Lô tại Tuyên Quang xấp xỉ TBNN. + Trên sông Hồng: từ tháng 10/2024-6/2025, mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội xuất hiện 01 trận lũ vào đầu tháng 10 với đỉnh lũ đạt 4,82m (1h ngày 03/10/2024) sau đó biến đổi chậm và dao động theo thủy triều. Riêng tháng 01 và 02 hạ lưu sông Hồng có 2 đợt dao động tăng do các hồ chứa tăng

cường phát điện phục vụ đồ ải Đông Xuân năm 2024-2025. Từ tháng 7 giữa tháng 10/2025, mực nước hạ lưu sông Hồng chịu ảnh hưởng mạnh bởi chế độ điều tiết của các thủy điện tuyến trên và mưa trên lưu vực. Trong thời kỳ này đã xảy ra 6 đợt lũ; Trong đó trận lũ lớn nhất xảy ra từ ngày 28/9-2/10, đỉnh lũ tại trạm Hà Nội đạt đỉnh 9,56m (22h ngày 01/10/2025) trên BĐ1 là 0,06m do lũ lớn trên sông Thao, sông Lô; trong thời gian này các hồ thượng lưu đã vận hành điều tiết: hồ Hòa Bình mở 2 cửa xả đáy, hồ Tuyên Quang mở 08 cửa xả đáy, hồ Thác Bà mở 03 cửa xả mặt. Trong 1 năm qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2700mm, có nơi trên 2700mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Thao: từ tháng 10/2025-4/2026 ít có khả năng xuất hiện lũ, mực nước có xu thế biến đổi chậm; từ tháng 5-6/2026 có khả năng xuất hiện một số đợt lũ nhỏ; từ tháng 7-9/2026 là thời kỳ lũ chính vụ, trên sông Thao khả năng xuất hiện nhiều đợt lũ với mực nước đỉnh lũ đạt mức BĐ2-BĐ3. Tổng lượng dòng chảy tại Yên Bái có khả năng xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

+ Trên sông Đà: từ tháng 10/2025-03/2026, dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện Sơn La; từ tháng 04-06/2026, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La và mưa trên lưu vực. Từ tháng 07-09/2026, dòng chảy đến hồ Hòa Bình có khả năng xuất hiện các đợt dao động do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình 12 tháng tới có khả năng ở mức thấp hơn TBNN 10%.

+ Trên sông Lô: từ tháng 10/2025-04/2026 ít có khả năng xuất hiện lũ, mực nước biến đổi chậm và ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Từ tháng 04-06/2026, có khả năng xuất hiện một số đợt lũ nhỏ. Từ tháng 7-9/2026 là thời kỳ lũ chính vụ, trên sông Lô khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ với mực nước đạt mức BĐ2-BĐ3. Tổng lượng dòng chảy sông Lô tại Tuyên Quang 12 tháng tới thấp hơn TBNN 5%.

+ Trên sông Hồng: từ tháng 15/10/2025-5/2026 mực nước dao động và chịu ảnh hưởng của thủy triều, riêng trong tháng 01 và tháng 02 năm 2026 sẽ có xu thế tăng do các hồ chứa tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân năm 2025-2026; Trong thời kỳ mùa lũ chính vụ từ tháng 6-10/2026, có khả năng xuất hiện 4-5 đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Hà Nội ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Từ tháng 10/2024 -5/2025 là thời kì cuối mùa lũ và đầu mùa cạn ở Bắc Bộ, mực nước các sông trên lưu vực sông Thái Bình biến đổi chậm ở mức thấp, hạ lưu các sông biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh bởi thủy triều. + Từ tháng 6/2025-09/2025 là thời kì mùa lũ chính vụ, trên hệ thống sông Thái Bình đã xuất hiện 3 đợt lũ lớn và một số đợt lũ nhỏ. Tình hình dòng chảy trên các sông lưu vực sông Thái Bình từ tháng 01/11/2024 đến 30/9/2025 cụ thể như sau: + Trên sông Cầu tổng lượng dòng chảy tính tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn TBNN 39%. + Trên sông Lục Nam, tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ở mức cao hơn so với TBNN 36%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1400-2200mm, có nơi trên 2200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Nửa đầu tháng 10/2025 (từ 06-14/10) trên sông Cầu và sông Thương đã xuất hiện lũ đặc biệt lớn với đỉnh lũ vượt mức lũ lịch sử. Hiện tại lũ trên các sông đang xuống. Từ nửa cuối tháng 10/2025 đến tháng 9/2026, tình hình dòng chảy lưu vực sông Thái Bình chia thành các thời kỳ sau: + Từ 15/10/2025 đến tháng 04/2026 dòng chảy lưu vực sông Thái Bình sẽ giảm dần do chuyển tiếp từ cuối mùa mưa sang mùa khô. + Từ tháng 05-09/2026, dòng chảy đến các sông sẽ tăng dần và có khả năng xuất hiện 02-04 đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026 như sau: + Trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy có khả năng cao hơn mức TBNN 36% + Trên sông Lục Nam tại trạm Chũ có khả năng cao hơn mức TBNN 37%.

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 2300-3500mm, riêng Quảng Trị-Huế 4000-5700mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 10 và tháng 12/2024, các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An dao động theo xu thế xuống; các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện một số đợt lũ nhỏ vào các ngày 01-02/10, ngày 20-21/10, ngày 27-29/10, ngày 04-06/11 và ngày 26-27/11. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10 đến tháng 12/2024, trên các sông ở

Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 7-35%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 17%-58%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố ở mức tương đương TBNN, riêng tháng 10 thấp hơn 64%; sông Ngàn Sâu cao hơn từ 40-44%, riêng tháng 10 thấp hơn 60%.

Từ tháng 01-06/2025, mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống. Nửa cuối tháng 5-6, trên sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố, thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ, mực nước đỉnh lũ trên các sông còn dưới mức BĐ1. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 1-6/2025, trên các sông ở Thanh Hóa ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-18%; các sông ở Nghệ An phổ biến ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN, riêng tháng 5-6 thấp hơn TBNN từ 12-27%; các sông ở Hà Tĩnh phổ biến thấp hơn từ 6-57% riêng các tháng 5-6 cao hơn từ 10-125%.

Trong tháng 7/2025, từ ngày 21-22/7, các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuất hiện lũ, mực nước đỉnh lũ trên các sông ở Thanh Hóa ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu còn dưới mức BĐ1; trung thượng lưu các sông ở Nghệ An đều trên mức BĐ3, một số trạm vượt mức lũ lịch sử, tại các trạm vùng hạ lưu sông Cả ở mức BĐ1 và trên BĐ1. Trong tháng 8, khu vực xuất hiện 3 đợt lũ vào các ngày 01-02/8, ngày 25-27/8 và ngày 30-31/8; mực nước cao nhất tháng trên các trạm chính phổ biến ở mức BĐ1-BĐ2, có nơi trên BĐ2. Trong tháng 9, từ ngày 26-30/9, trên các sông từ Thanh Hóa đến TP. Huế đã xuất hiện một đợt lũ, mực nước đỉnh lũ trên phần lớn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An và sông Ngàn Phố ở mức BĐ3 và trên BĐ3; hạ lưu sông Cả, sông Chu ở mức BĐ2-BĐ3; hạ lưu sông La, sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2.

Lưu lượng dòng chảy trong các tháng 8-9/2025, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 7-60%, trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 89% trong tháng 7; riêng sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 25% trong tháng 7 và sông Cả tại trạm Yên thượng thấp hơn 22% trong tháng 9.

+ Các sông từ Quảng Trị đến Huế:

Từ tháng 10-12/2024, trên các sông trong khu vực đã xuất hiện 03-05 đợt lũ, đỉnh lũ cao nhất năm ở mức BĐ2-BĐ3, riêng sông Kiến Giang (Quảng Bình) trên mức BĐ3. Lưu lượng dòng chảy tăng cao trong các đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy thấp hơn từ 20-35% đến xấp xỉ TBNN, các sông Thừa Thiên Huế cao hơn khoảng 40%.

Từ tháng 01-04/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và theo xu thế giảm dần. Tháng 5-6, mực nước trên các sông xuất hiện 02 đợt dao động nhỏ và 1 đợt lũ từ ngày 11-15/6, đỉnh lũ ở mức BĐ1-BĐ2, có sông trên

BĐ2, riêng sông Kiến Giang (Quảng Bình), sông Thạch Hãn (Quảng Trị) và sông Bồ (Thừa Thiên Huế) ở mức BĐ3. Tổng lượng dòng chảy ở mức xấp xỉ đến cao hơn 40%, riêng sông Tả Trạch cao hơn 200%.

Từ tháng 7-8/2025, trên các sông trong khu vực đã xuất hiện 2 đợt lũ vào các ngày từ 25-27/8 và từ 30-31/8. Đỉnh lũ cao nhất ở mức BĐ1-BĐ2, riêng trên sông Kiến Giang tại Lệ Thủy ở mức BĐ2-BĐ3. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 7-8/2025, trên các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế cao hơn TBNN cùng kỳ từ 38-145%, sông Bến Hải (Quảng Trị) tại trạm Gia Vòng thấp hơn 17%.

Tháng 9/2025, trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ từ ngày 28-30/9, đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ1-BĐ2, có sông trên BĐ2; riêng sông Kiến Giang tại Lệ Thủy xấp xỉ BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức xấp xỉ đến cao hơn khoảng 10%, riêng các sông phía Bắc Quảng Trị thấp hơn khoảng 18%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 2100-3100mm, riêng phía nam Quảng Trị đến Huế phổ biến 3700-5000mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh:

Từ tháng 10-12/2025, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ và một số đợt dao động mạnh, các sông ở Thanh Hóa xuất hiện 1-2 đợt dao động sau biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy các tháng từ 10-12/2025, trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-50%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 10-35%; các sông ở Hà Tĩnh: Sông Ngàn Sâu cao hơn từ 40-48% trong tháng 11-12 và ở mức xấp xỉ TBNN trong tháng 10; Sông Ngàn Phố cao hơn 10-40%.

Từ tháng 01-9/2026: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần từ tháng 1-4/2026 và tăng trở lại trong các tháng 5-9/2026. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 5-15%; các sông ở Nghệ An ở mức tương đương TBNN trong các tháng 1-4 và thấp hơn từ 20-35% trong các tháng 5-9; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Sâu ở mức tương đương TBNN trong các tháng 1-4/2026 và thấp hơn từ 5-15% trong các tháng 5-9; sông Ngàn Phố thấp hơn từ 10-55%.

+ Các sông từ Quảng Trị đến Huế:

Mùa lũ từ tháng 10-12/2025, trên các sông có khả năng xuất hiện 2-4 đợt lũ, dòng chảy được bổ sung và tăng cao.

Từ tháng 01-4/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần.

Từ tháng 5-7/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động.

Từ tháng 8-9/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy được bổ sung và tăng cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy năm ở mức thấp hơn khoảng 25% đến xấp xỉ TBNN, riêng sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn từ 60-80%.

4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 1000-3600mm, riêng Trà My (Quảng Ngãi): 5689mm, Ba Tơ (Quảng Ngãi): 4326mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:

Từ tháng 10-12/2024, trên các sông trong khu vực đã xuất hiện 03-04 đợt lũ, đỉnh lũ cao nhất năm ở mức BĐ1-BĐ2, riêng sông Vệ ở mức trên BĐ3. Tổng lượng dòng chảy thấp hơn từ 20-45% đến xấp xỉ TBNN, riêng sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn 75%.

Từ tháng 01-4/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và theo xu thế giảm dần. Tháng 5-6, mực nước trên các sông xuất hiện 02 đợt dao động nhỏ và 1 đợt lũ từ ngày 11-15/6 trên các sông Quảng Nam, đỉnh lũ ở mức BĐ1-BĐ2 và trên mức BĐ2. Tổng lượng dòng chảy các sông cao hơn 77-120%, riêng sông Vu Gia (Quảng Nam) và sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 45-60%.

Từ tháng 7-8/2025, trên các sông dòng chảy đã xuất hiện 2 đợt dao động vào các ngày từ 02-04/7 và từ ngày 26-28/8. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 7-8/2025 ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 165-179%, sông Vu Gia (Đà Nẵng) tại trạm Thành Mỹ và sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm An Chỉ thấp hơn từ 30-49%.

Trong tháng 9/2025, từ ngày 28-29/9 trên các sông Đà Nẵng đã xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên sông Vu Gia tại Ái Nghĩa trên BĐ1 0,29m, trên sông Thu Bồn còn dưới mức BĐ1; các sông Quảng Ngãi có dao động. Tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 90-102%, sông Vu Gia (Đà Nẵng) tại trạm Thành Mỹ và sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm An Chỉ thấp hơn từ 30-74%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Từ tháng 10 đến tháng 12/2024, trên các sông đã xuất hiện các đợt lũ vừa và nhỏ. Mực nước đỉnh lũ trên sông Kôn, sông An Lão (Bình Định), sông Kỳ Lộ (Phú Yên) và sông Dinh Ninh Hòa (Khánh Hòa) phổ biến ở mức trên dưới BĐ2, sông Ba (Phú Yên) tại Củng Sơn ở mức trên BĐ1, các sông khác ở mức dưới BĐ1. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong thời kỳ này. Từ tháng 1 đến tháng 3/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm,

theo xu thế xuống dần. Từ ngày 22-25/2, do ảnh hưởng của đợt mưa trái mùa, trên các sông từ Bình Định đến Khánh Hòa đã xảy ra một đợt lũ, đỉnh lũ ở dưới mức BĐ1. Riêng ở Phú Yên đỉnh lũ trên sông Thạch Bàn tại trạm Hòa Mỹ Tây lên mức trên BĐ2. Từ tháng 4 đến tháng 9/2025 lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm.

Tổng lượng trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn 53%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn 36% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phía bắc 2700-3400mm, phía nam 1700-2400mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:

Mùa lũ từ tháng 10-12/2025, trên các sông có khả năng xuất hiện 3-4 đợt lũ, dòng chảy được bổ sung và tăng cao.

Từ tháng 01-4/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần.

Từ tháng 5-8/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động.

Tháng 9/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ và dao động. Lưu lượng dòng chảy được bổ sung và tăng cao.

Tổng lượng dòng chảy năm trên các sông cao hơn từ 20-30%, sông Vu Gia tại trạm Thành Mỹ và sông Vệ tại trạm An Chi thấp hơn từ 30-70%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Từ tháng 11-12/2025, trên các sông ở trong khu vực có khả năng xuất hiện từ 2-4 đợt lũ, tổng lượng dòng chảy tăng. Từ tháng 01-3/2026 dòng chảy trên các sông có xu thế giảm dần. Từ tháng 4 đến tháng 9/2026 lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm.

Tổng lượng dòng chảy, trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn 35% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng cao hơn 46% so với TBNN.

5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 1600-2300mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Sông Sê San, Srepok:

Từ tháng 10-12/2024, trên sông Krông Ana xuất hiện 1 đợt dao động vào cuối tháng 10 với biên độ dao động 2,67m và 1 trận lũ nhỏ vào giữa tháng 12, đỉnh lũ tại trạm Giang Sơn ở trên mức BĐ1. Các sông nhỏ ở lưu vực sông Sê San xuất hiện một vài đợt dao động nhỏ, các sông khác phổ biến dao động theo

điều tiết hồ chứa thủy điện. Lưu lượng dòng chảy các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 23-88%;

Từ tháng 1-3/2025, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi; riêng sông Krông Ana (Đắk Lắk) từ ngày 23-26/02 xuất hiện 1 đợt dao động với biên độ nước lên là 3,2m. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giai đoạn này biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy các sông lưu vực Sê San phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 8-70%, sông Đắk Tô Kan và các sông lưu vực Srêpôk cao hơn từ 32-83%.

Từ tháng 4-6/2025, lưu lượng dòng chảy các sông trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk dao động theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 20-100%, một số sông ở mức cao hơn nhiều; riêng trên sông ĐắkBla tại trạm Kon Plông và Kon Tum tổng lượng dòng chảy thấp hơn từ 23-52% so với TBNN cùng kỳ.

Từ tháng 7-9/2025, trên sông Krông Ana xuất hiện 3 đợt dao động với biên độ từ 1,63-3,30m; hạ lưu sông Srêpôk xuất hiện 3 đợt lũ nhỏ và vừa do ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên, đỉnh lũ cao nhất tại trạm Bản Đôn lên mức BĐ2; các sông khác phổ biến dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện. Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk phổ biến dao động theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 30-67%, riêng sông Pô Kô và Đắk Tô Kan thuộc lưu vực sông Sê San tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ từ 26-38%.

+ Sông Cửu Long:

Tổng lượng dòng chảy tháng 10/2024-3/2025 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn TBNN từ 5-10% và có xu thế giảm dần từ cuối tháng 10. Trong tháng 2 và tháng 4, tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức thấp hơn TBNN từ 5-25%. Từ tháng 05-9/2025, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn từ 10-40% so với TBNN cùng kỳ.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 1600-2200mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Sông Sê San, Srepok:

Từ tháng 10-12/2025, trên các sông suối có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ. Lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 19-71%; riêng

sông Pô Cô, sông Đăk Tô Kan và hạ lưu sông Srêpôk cao hơn TBNN cùng kỳ từ 24-40%.

Từ tháng 01-03/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên lưu vực sông Sê San thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 26-63%, lưu vực sông Srêpôk cao hơn từ 51-68%.

Từ tháng 4-6/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến dao động theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy sông ĐăkBlá thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 21-49%, các sông còn lại cao hơn từ 12-63% so với TBNN.

Từ tháng 7-9/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Pô Cô, Đăk Tô Kan và sông Krông Ana cao hơn TBNN cùng kỳ từ 14-24%, các sông còn lại thấp hơn từ 10-67% so với TBNN.

Tổng lượng dòng chảy năm trên sông ĐăkBlá tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 58%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 12%.

+ Sông Cửu Long:

Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long từ tháng 11-1/2026 ở mức cao hơn TBNN từ 15-40%; từ tháng 2-4/2026 cao hơn 5-10% so với TBNN cùng kỳ. Từ tháng 5-6/2026, tổng lượng dòng chảy có xu thế tăng dần ở mức thấp hơn TBNN từ 10-15% và từ tháng 7-10 ở mức cao hơn TBNN từ 5-10%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: ngày 15/01/2026

Tin phát lúc: 15h00'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026

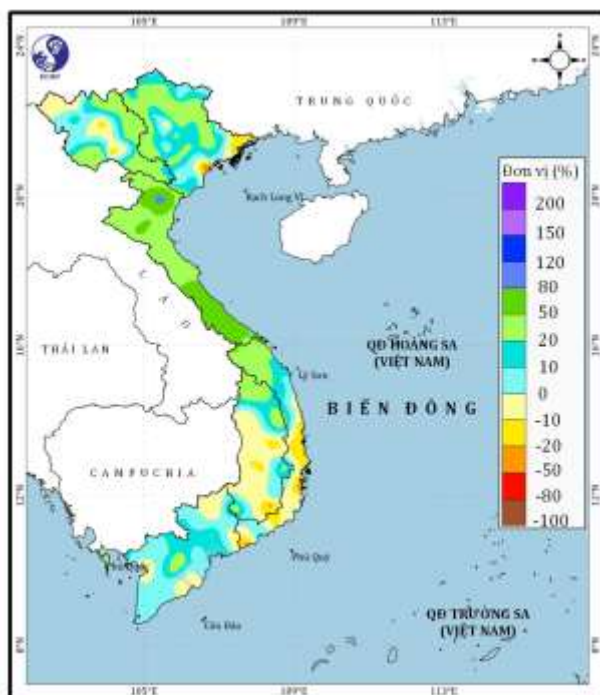
Khu vực	Trạm	Thực đo 1 năm qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	2918	>20	2500-2700	>5-15
	Sơn La	1582	>14	1450-1600	>5-15
	Hòa Bình	2240	>23	1900-2100	>5-15
	Lào Cai	2501	>44	1900-2100	>10-20
	Yên Bái	2545	>39	2000-2300	>10-20
	Tuyên Quang	2009	>25	1700-1850	>5-15
	Hà Giang	2990	>26	2500-2700	>5-15
	Láng	2132	>29	1800-2000	>10-20
	Thái Bình	1781	>15	1650-1800	>5-15
	Nam Định	1793	>11	1700-1850	>5-15
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	2085	>44	1600-1800	>10-20
	Thái Nguyên	2246	>23	1900-2100	>5-15
	Bắc Ninh	2001	>24	1700-1850	>5-15
	Lạng Sơn	1686	>31	1400-1550	>10-20
	Bắc Giang	1845	>24	1500-1700	>5-15
	Hải Dương	1566	>5	1500-1700	>5-15
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	2311	>34	1900-2100	>10-20
	Bái Thượng	3586	>92	2100-2400	>15-30
	Thanh Hóa	2504	>54	1800-2100	>15-30
	Quỳ Châu	2324	>42	1800-2100	>15-30
	Cửa Rào	1861	>46	1450-1650	>15-30
	Đô Lương	2616	>46	2050-2300	>15-30

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 năm qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	Vinh	2946	>46	2300-2600	>15-30
	Hương Sơn	2706	>29	2300-2500	>10-20
	Hương Khê	3238	>35	2600-2800	>5-15
	Hà Tĩnh	3219	>21	2700-3000	>5-15
	Đồng Hới	3685	>75	2400-2700	>15-30
	Quảng Trị	3962	>64	2700-3100	>15-30
	Nam Đông	5747	>48	4400-5000	>15-30
	Huế	4974	>58	3600-4000	>15-30
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	3634	>51	2700-3100	>15-30
	Trà My	5689	>33	3200-3500	>15-30
	Ba Tơ	4326	>13	4000-4400	>5-15
	Quảng Ngãi	2822	>7	2700-3000	>5-15
	Quy Nhơn	1677	<14	1700-2200	Xấp xỉ
	An Khê	2326	>38	1800-2000	>5-15
	Tuy Hòa	1674	<21	1800-2400	Xấp xỉ
	Nha Trang	1052	<30	1200-1900	Xấp xỉ
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	2102	>11	1600-2200	Xấp xỉ
	Lắk	1865	<3	1600-2200	Xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	1688	<8	1500-2000	Xấp xỉ
	Biên Hòa	2313	>21	1700-2200	Xấp xỉ
	Cần Thơ	2012	>27	1400-1800	Xấp xỉ

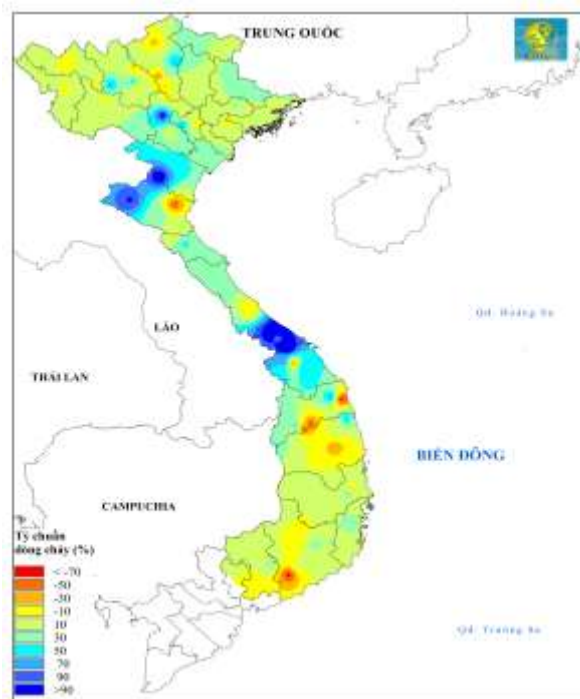
Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026

Sông	Trạm	Thực đo (triệu m³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m³)	So sánh TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	61301	>12	49196	>10
Thao	Yên Bái	19332	>8	18922	>6
Lô	Tuyên Quang	22170	<3	21760	<5
Cầu	Gia Bảy	2499	>39	2450	>36
Lục Nam	Chũ	1892	>36	1900	>37
Hồng	Hà Nội	62977	<1	63703	>1
Mã	Cẩm Thủy	14902	>29	13153	>14
Cả	Yên Thượng	13375	<17	12531	<22
La	Hòa Duyệt	3848	>12	3615	>5
Tả Trách	Thượng Nhật	1040	>108	875	>75
Thu Bồn	Nông Sơn	12469	>37	11378	>25
Trà Khúc	Sơn Giang	8399	>31	8050	>26
Ba	Củng Sơn	3660	<53	5046	<35
Cái NT	Đồng Trăng	2050	>36	2208	>46
ĐăkBlá	Kon Tum	1071	< 60	1132	< 58
Srêpôk	Giang Sơn	2411	~ TBNN	2802	> 12
Tiên	Tân Châu			351250	>15
Hậu	Châu Đốc			67660	>5

**Phụ lục 2: Bản đồ phân bố hiện trạng nguồn nước
từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026**



*Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa
so với TBNN*



*Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng
lượng dòng chảy so với TBNN*